

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 50/2025/DS-ST

Ngày: 22-5-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐST-DS ngày 06/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 2000 và ông Trần Văn Th3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Đường số X, tổ U3, thôn T3, xã N, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H, bà Hồng A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Th3 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Hồng A. Cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2022, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng A đã mượn số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Vợ chồng bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng bà A trả nợ nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng bà A luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 19/01/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 8.858.333 đồng.

* Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà Hồng A và ông Th3 phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- **Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:** Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 là vợ chồng. Ngày 18/01/2022, bà Nguyễn Thị H có bán cho bà Hồng A 01 gói bảo hiểm giá 30.000.000 đồng/02 năm. Bà H có lập hợp đồng bảo hiểm và đưa cho bà Hồng A ký (hiện nay bà Hồng A đang giữ hợp đồng này). Số tiền 30.000.000 đồng này bà Hồng A được bà H cho mượn để đóng bảo hiểm, bà Hồng A không nhận tiền trực tiếp mà bà H dùng tiền này đóng bảo hiểm cho bà Hồng A. Tuy nhiên, sau đó bà Hồng A được bà H nói lại là chỉ mới đóng được 01 năm là 15.000.000 đồng thì bà H không đóng cho bà Hồng A nữa do Hợp đồng hết hiệu lực.

Số tiền 30.000.000 đồng này, bà H có lập giấy mượn tiền cho bà Hồng A ghi ngày 18/01/2022, việc mượn tiền không thỏa thuận trả lãi, hạn 04 tháng sau sẽ trả đủ, bà Hồng A thỏa thuận miệng với bà H là mỗi tháng có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Giấy mượn tiền do bà H ghi, trong giấy chỉ có chữ ký của bà Hồng A. Bà Hồng A đã trả cho bà H được 01 khoản tiền nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Sau đó, vì kinh tế gia đình khó khăn nên bà Hồng A không thực hiện được việc góp tiền trả nữa.

Nay, bà H, ông Tr khởi kiện tại Tòa án buộc vợ chồng bà Hồng A có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr số tiền gồm: Tiền nợ gốc 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 19/01/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 8.858.333 đồng (Tám triệu tám trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), thì bà Hồng A có ý kiến như sau:

Số tiền này bà Hồng A mượn để đóng bảo hiểm cho cá nhân bà Nguyễn Thị Hồng A, do đó, không liên quan đến chồng bà Hồng A. Bà Hồng A đã trả cho bà H được 01 khoản tiền góp, như vậy, bà Hồng A chỉ còn nợ lại bà H, ông Tr 01 khoản tiền, bà Nguyễn Thị Hồng A sẽ gặp bà H để chốt lại khoản tiền này, sau khi chốt được số tiền còn nợ bà Hồng A đồng ý sẽ trả số tiền đó. Đối với tiền lãi, bà Hồng A đồng ý trả tiền lãi trên số tiền sẽ chốt với bà H theo mức lãi suất 10%/năm.

* Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Hồng A xác nhận thống nhất số tiền gốc còn nợ là 15.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

- Bị đơn ông Trần Văn Th3 trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn Th3 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 06/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Trần Văn Th3 là bị đơn trong vụ án là chưa đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi ông Th3 không tham gia mượn tiền của bà H.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn, bị đơn bà Hồng A đều thừa nhận giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền bị đơn mượn là 30.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc về công khai chứng cứ, người đại diện nguyên đơn và bị đơn bà Hồng A xác nhận số tiền yêu cầu trả là 20.000.000 đồng, gồm: Tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng. Bị đơn bà Hồng A khai nhận mượn tiền để mua bảo hiểm cho bản thân nên cần buộc chồng bà là ông Th3 cùng chịu trách nhiệm trả tiền là phù hợp. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà

Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn Th3 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 06/5/2025 và ngày 22/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyền số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự: *“Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm”*. Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 nợ tiền của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đưa ông Th3 vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về việc thay đổi tư cách tố tụng của ông Trần Văn Th3 từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 phải thanh toán số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), gồm: Tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Nộp kèm là 01 Giấy mượn tiền ngày 18/01/2022 bản chính.

[3] Theo Giấy mượn tiền ngày 18/01/2022 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Hôm nay ngày 18/01/2022 bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh ngày 02.12.2000, số CMND W, chồng Trần Văn Th3, sinh 21.2.1990, số căn cước W hiện ở tổ tổ U3, thôn T3, Đ6, ĐL, BT số nhà E có mượn bà H 30.000.000 đồng, hẹn 4 tháng sau sẽ trả đủ. Phía dưới có chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A.

[3.1] Bà Nguyễn Thị Hồng A thừa nhận ngày 18/01/2022 có lập và ký Giấy mượn tiền với bà Nguyễn Thị H, nội dung giống như Giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Bà A xác nhận có nợ nguyên đơn bà H, tuy nhiên đã trả được một ít tiền. Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện nguyên đơn và bà Hồng A xác nhận thống nhất số tiền gốc còn nợ là 15.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3.2] Xét thấy quá trình tố tụng, mặc dù ông Th3 không đến tòa án làm việc, không có ý kiến gửi đến Tòa án và giấy mượn tiền do một mình bà Hồng A ký kết, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Hồng A thì bà và ông Trần Văn Th3 là vợ chồng, bà cung cấp địa chỉ cư trú hiện nay của vợ chồng bà tại Đường số X, tổ U3, thôn T3, xã N, huyện Đ1, tỉnh B. Bà Hồng A cho rằng mục đích mượn tiền để mua bảo hiểm cho bà, như vậy, số tiền mượn dùng để chăm sóc sức khỏe cho bà Hồng A, là nhu cầu thiết yếu của gia đình. Từ đó có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng bà Hồng A, ông Th3 theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, do đó, trách nhiệm trả tiền nợ thuộc về cả hai vợ chồng bà Hồng A, ông Th3.

[3.3] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Như vậy bà Hồng A, ông Th3 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn bà H là phù hợp. Từ đó có căn cứ xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Hồng A, ông Th3 thanh toán số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Theo Giấy mượn tiền và sự thừa nhận của hai bên, việc mượn tiền không thỏa thuận tính lãi. Giấy mượn ghi hẹn 04 tháng sẽ trả đủ. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp.

[4.1] Số tiền gốc là 30.000.000 đồng mượn ngày 18/01/2022, thời gian góp là 04 tháng, ngày bắt đầu góp là ngày 19/01/2022, vậy ngày hết hạn góp là ngày 19/5/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày 15/4/2025 (02 năm 10 tháng 27 ngày) với mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: 30.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 10 tháng 27 ngày = 8.725.000 đồng.

[4.2] Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính đến ngày 15/4/2025 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), bị đơn bà Hồng A cũng thống nhất số tiền lãi này và đồng ý trả.

Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, số tiền lãi có lợi cho bị đơn, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), gồm: Tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Trần Văn Th3 phải chịu **1.000.000 đồng (Một triệu đồng)**.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí **971.000 đồng (Chín trăm bảy mươi một nghìn đồng)** theo biên lai thu tiền số **0005181** ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung